

Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST

Ngày 10/8/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1982; đăng ký HKTT: Thôn Văn V, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn Hoàng N, xã Tri T, huyện Phú X, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Anh Phùng Danh C, sinh năm 1985; đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Văn V, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Đào Thị N trình bày: Chị và anh Phùng Danh C kết hôn với nhau là tự nguyện, được UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2006. Sau khi kết hôn anh chị sống tại quê Nguyên giáp cùng với bố mẹ chồng, đến năm 2011 anh chị lên Hà Nội làm ăn sinh sống. Đến năm 2015 - 2016 anh chị đưa nhau về quê Tứ Kỳ sinh sống và làm việc, cũng từ thời gian đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh không tu chí làm ăn, thường xuyên lơ đãng, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, anh đã từng bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần và trả nợ cho anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi, chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng anh xin lỗi, hứa thay đổi chị và anh quay lại về đoàn tụ. Tuy nhiên thời gian gần đây, anh tiếp tục chơi bời cờ bạc, bắt chị vay tiền ngân hàng để trả nợ, đánh đập chị, nghi ngờ chị, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh C.

Về con C: Chị và anh C có 04 con C là Phùng Thị Cẩm T, sinh ngày 09/5/2007; Phùng Danh N, sinh ngày 15/02/2010; Phùng Thị Gia H, sinh ngày 24/12/2018 và Phùng Tú U, sinh ngày 18/01/2021 các con Cẩm Tú, Danh Nhân và Gia Hân hiện đang sống cùng với anh C, con Tú Uyên đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi con Phùng Tú U và đồng ý để anh C nuôi 3 con là Phùng Thị Cẩm T, Phùng Danh N và Phùng Thị Gia H cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản C, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Phùng Danh C trình bày: Anh và chị Đào Thị N kết hôn với nhau là tự nguyện, được UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2006. Sau khi kết hôn anh chị sống tại quê Nguyên giáp cùng với bố mẹ anh, đến năm 2011 anh chị lên Hà Nội làm ăn sinh sống. Đến năm 2015 - 2016 anh chị về quê Tứ Kỳ sinh sống và làm việc, trong thời gian này thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra va chạm, cãi vã nhau nhưng vợ chồng lại hàn gắn tình cảm. Đến đầu năm 2022 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, do hai người không có tiếng nói C, anh cho rằng chị ngoại tình, mặc dù anh đã cho chị cơ hội sửa chữa nhưng chị không thay đổi, trong lúc tức giận anh có tát chị và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 5/2021 đến nay, một phần do anh chán nản cuộc sống gia đình đã lao vào chơi bời cờ bạc, lơ đãng. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng nếu chị vẫn kiên quyết muốn ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con C: Anh và chị C có 04 con C là Phùng Thị Cẩm T, sinh ngày 09/5/2007; Phùng Danh N, sinh ngày 15/02/2010; Phùng Thị Gia H, sinh ngày 24/12/2018 và Phùng Tú U, sinh ngày 18/01/2021, Hiện tại các con Cẩm Tú, Danh Nhân và Gia Hân đang sống cùng với anh, con Tú Uyên đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi 3 con là Phùng Thị Cẩm T, Phùng Danh N và Phùng Thị Gia H, chị nuôi con Phùng Tú U cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh tự nguyện không yêu cầu chị phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản C, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án anh C đã khai và công nhận biên bản ghi đúng lời trình bày của mình nhưng không ký biên bản với lý do chị N muốn ly hôn, chị N tự giải quyết, anh không ký bất kỳ văn bản nào của Tòa án, có người làm chứng, chứng kiến.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xác định: Anh C và chị N kết hôn với nhau vào năm 2006, được UBND xã Nguyên Giáp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2006. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian sinh sống tại địa phương, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không nắm được, anh chị chưa lần nào có đơn gửi ra UBND xã để địa phương tổ chức hòa giải mà địa phương chỉ nghe thông tin vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát đánh, cãi nhau, sau đó chị về quê mẹ để sinh sống. Anh Chiện đang làm việc tại Công ty gấu bông ở xã Cộng Lạc, anh có công việc ổn định, có thu nhập, có nhà ở. Theo quan điểm của địa phương nếu chị N, anh C ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh C, chị N và theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị N, đề nghị xử cho chị Đào Thị N được ly hôn anh Phùng Danh C; Về con C: Giao cho chị Đào Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phùng Tú U, sinh ngày 18/01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Phùng Danh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phùng Thị Cẩm T, sinh ngày 09/5/2007; Phùng Danh N, sinh ngày 15/02/2010; Phùng Thị Gia H, sinh ngày 24/12/2018 đến khi các con C đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N,

anh C không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị N khởi kiện ly hôn anh Phùng Danh C; nơi cư trú tại xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết anh C đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Phùng Danh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 31/8/2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị N, anh C biên bản xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, do hai người không có tiếng nói C, anh cho rằng chị ngoại tình, chị xác định anh chơi bời, cờ bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 5/2021 đến nay, anh, chị không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Khi Tòa án triệu tập anh chị tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt, qua đó thể hiện sự không tôn trọng pháp luật và càng thể hiện ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N ly hôn với anh C.

[3] Về con C: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh C có 04 con C là Phùng Thị Cẩm T, sinh ngày 09/5/2007; Phùng Danh N, sinh ngày 15/02/2010; Phùng Thị Gia H, sinh ngày 24/12/2018 và Phùng Tú U, sinh ngày 18/01/2021, Hiện tại các con Cẩm Tú, Danh Nhân và Gia H đang sống cùng với anh, con Tú Uyên đang ở với chị. Khi ly hôn chị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao con Phùng Tú U cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con Phùng Thị Cẩm T, Phùng Danh N, Phùng Thị Gia

H cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh, chị tự nguyện không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Xét thấy: cháu Uyên còn nhỏ, chị N có nguyện vọng muốn được nuôi con là phù hợp. Anh C có quan điểm đề nghị được nuôi 3 con là cháu con Phùng Thị Cẩm T, Phùng Danh N, Phùng Thị Gia H nguyện vọng của anh là chính đáng. Mặt khác cháu Cẩm Tú và Danh Nhân có nguyện vọng được ở với anh. Do vậy, cần giao con C Phùng Thị Cẩm T, Phùng Danh N, Phùng Thị Gia H cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con C Phùng Tú U cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh C không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản C, công nợ: Chị N và anh C đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị N; Xử cho chị Đào Thị N ly hôn anh Phùng Danh C.

2. Về con C: Giao cho chị Đào Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phùng Tú U, sinh ngày 18/01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Phùng Danh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phùng Thị Cẩm T, sinh ngày 09/5/2007; Phùng Danh N, sinh ngày 15/02/2010; Phùng Thị Gia H, sinh ngày 24/12/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh C không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị Đào Thị N và anh Phùng Danh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con C không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004503 ngày 01/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác